Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6307.90.69

Mã HS	6307.90.69
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may / - Loại khác: / - - Các loại đai an toàn: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 15:07:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63079069/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9919
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9919
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9919
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9455
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9406
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9406
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9406
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9406
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9406
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9406
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E9458
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9458
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9458
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9458
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9458
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9459
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9459
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9459
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9459
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9459
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9459
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9460
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9412
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9418
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9418
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9418
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9418
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9418
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9418
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9443
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9443
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9443
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9443
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9443
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9443
VCFTA	2022	2022	4	VC!D9489
VCFTA	2023	2023	2	VC!E9489

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9489
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9489
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9489
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9489
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9468
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9468
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9468
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9468
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9468
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9468
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9481
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9481
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9481
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9481
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9481
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9481
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9491
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9491
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9491
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9491
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9491
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9491
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9490
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9490
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9490
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9490
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9490
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9437
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9437
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9437
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9437
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9437
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9437
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9437
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9475
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9475
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9475
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9475
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9475
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9475
RCEP B	2022	2022	0	B!D9475
RCEP B	2023	2023	0	B!E9475
RCEP B	2024	2024	0	B!F9475
RCEP B	2025	2025	0	B!G9475
RCEP B	2026	2026	0	B!H9475
RCEP B	2027	2027	0	B!I9475
RCEP C	2022	2022	0	C!D9475
RCEP C	2023	2023	0	C!E9475
RCEP C	2024	2024	0	C!F9475
RCEP C	2025	2025	0	C!G9475
RCEP C	2026	2026	0	C!H9475

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9475
RCEP D	2022	2022	0	D!D9474
RCEP D	2023	2023	0	D!E9474
RCEP D	2024	2024	0	D!F9474
RCEP D	2025	2025	0	D!G9474
RCEP D	2026	2026	0	D!H9474
RCEP D	2027	2027	0	D!I9474
RCEP E	2022	2022	0	E!D9478
RCEP E	2023	2023	0	E!E9478
RCEP E	2024	2024	0	E!F9478
RCEP E	2025	2025	0	E!G9478
RCEP E	2026	2026	0	E!H9478
RCEP E	2027	2027	0	E!I9478
RCEP F	2022	2022	0	F!D9475
RCEP F	2023	2023	0	F!E9475
RCEP F	2024	2024	0	F!F9475
RCEP F	2025	2025	0	F!G9475
RCEP F	2026	2026	0	F!H9475
RCEP F	2027	2027	0	F!I9475
VIFTA	2024	2024	18	VI!F8771
VIFTA	2025	2025	16	VI!G8771
VIFTA	2026	2026	14	VI!H8771
VIFTA	2027	2027	12	VI!I8771

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6307.90 có 7 dòng thuế; dòng 6307.90.69 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6307.90.30 Tấm phủ ô che cắt sẵn hình tam giác; 6307.90.40 Khẩu trang phẫu thuật; 6307.90.61 Phù hợp dùng trong công nghiệp; 6307.90.70 Quạt và màn che kéo bằng tay; 6307.90.80 Dây buộc dùng cho giày, ủng, áo nịt ngực (corset) và các loại tương tự(SEN); 6307.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6307.90.69. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6307.90.69 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9919), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.